

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2020

*V/v “Tuyên bố không công
nhận vợ chồng, tranh chấp về
nuôi con ”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lưu Danh Sử.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án
nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị
Ngân - Kiểm sát viên.*

Ngày 22/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số quyết vụ án dân sự thụ lý số: 120/2020/TLST – HNGĐ
ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXX-
HNGĐ ngày 07/9/2020, về việc “ Tuyên bố không công nhận vợ chồng, tranh chấp về
nuôi con” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

HKTT và chỗ ở: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Bị đơn: Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1976.

HKTT: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chị L và anh T (đã có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 27/5/2020 cũng như tại biên bản hòa giải về con chung và tài sản chung, chị Nguyễn Thị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N từ năm 1997 dựa trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên, vì thời gian đã lâu nên chị không còn giữ Giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống tại thị trấn N, huyện N. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được 3- 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù vẫn chung nhà nhưng anh chị đã ly thân không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Nay chị L đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Hoàng Xuân T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là các cháu Hoàng Tiến Đ, sinh năm 1998 và cháu Hoàng Thu T, sinh ngày 09/11/2004. Hiện nay cháu Đ đã trên 18 tuổi, cháu T đang ở cùng chị, cháu T có nguyện vọng ở với ai thì tùy nguyện vọng của cháu chị cũng nhất trí.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bị đơn anh Hoàng Xuân T: Tại bản tự khai ngày 28/5/2020, biên bản hòa giải về con chung và tài sản chung ngày 16/7/2020 và tại đơn xin xử vắng mặt ngày 18/7/2020 như sau: Anh T xác định về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống và con chung, nguyên nhân mâu thuẫn như ý kiến của chị L là đúng. Anh T cũng đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

Về con chung: Anh cũng xác định như ý kiến của chị L, cháu T có nguyện vọng ở với ai thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng

Xuân T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao cháu Hoàng Thu T, sinh ngày 09/11/2004 (hiện đang ở cùng chị L) cho anh Hoàng Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ là chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Xuân T. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

1. **Về thủ tục tố tụng**: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Căn cứ vào quy định của Pháp luật đến ngày 7/9/2020 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. **Về quan hệ hôn nhân**: Theo lời khai của các đương sự, chị L và anh T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân thị trấn N. Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N thì Nguyễn Thị L và anh Hoàng Xuân T chung sống với nhau nhưng đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong sổ kết hôn không có tên chị L và anh T. Vì vậy đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định là hai người chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 trước đây cũng như Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố xử không công nhận chị L và anh T là vợ chồng để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng các Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn**: Từ thực tế và điều kiện kinh tế và sự thỏa thuận, sự tự nguyện của đương sự. Vợ chồng chị L và anh T có 2 con chung là Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 20/11/1998 và Hoàng Thu T, sinh ngày 9/11/2004 cháu Đ đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Đối với cháu T theo nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở với bố. Vì vậy cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chấp nhận sự tự nguyện của anh T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi cháu T cùng anh T.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị L phải nộp theo quy định của Pháp luật, số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 5, 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L. Tuyên bố không công nhận Nguyễn Thị L và anh Hoàng Xuân T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thu T, sinh ngày 9/11/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi cháu T cùng anh T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000 đồng, chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000 508 ngày ngày 27/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- Ủy ban nhân dân thị trấn N.
- Đường sự
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hà Minh Lực

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phiếu- Lưu Danh Sử

Hà Minh Lực

